

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT Q. NGÃI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHI CỤC KIỂM LÂM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /BC-CCKL

Quảng Ngãi, ngày tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

**Sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019
của Bộ Chính trị Khoá XII**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1740/UBND-KTTH ngày 05/4/2024 của UBND tỉnh về việc báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị Khoá XII về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW*);

Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo sơ kết 5 năm kết quả triển khai thực hiện lĩnh vực lâm nghiệp theo Nghị quyết số 39-NQ/TW, giai đoạn 2019-2023 (có thuyết minh báo cáo kèm theo).

Kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng KH – TC Sở;
- Lãnh đạo CCKL;
- Lưu: VT.

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Khánh Ngọc

THUYẾT MINH BÁO CÁO

(Kèm theo Báo cáo số /BC-CCKL ngày /4/2024 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh
Quảng Ngãi)

Phần I

CÔNG TÁC PHỔ BIẾN, QUẢN TRIỆT VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 39

1.1. Về công tác phổ biến, quán triệt Nghị quyết

- Tình hình phổ biến, quán triệt Nghị quyết: Khi Nghị quyết số 39-NQ/TW ban hành, nhận thức được vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng của Nghị quyết, Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức thực hiện, tham mưu lồng ghép với nhiều hình thức bằng văn bản, bằng hình thức tuyên truyền khác nhau,... nhằm phổ biến nội dung, tinh thần Nghị quyết sâu rộng đến toàn thể công chức, viên chức, người lao động, người dân góp phần tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động, nâng cao vai trò trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: Trong thời gian qua, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được các cấp uỷ, tổ chức Đảng, chính quyền quan tâm thực hiện, và đạt được những kết quả quan trọng. Diện tích rừng và độ che phủ rừng liên tục tăng và dần ổn định; việc sắp xếp lại ba loại rừng cơ bản phù hợp yêu cầu thực tiễn; công tác giao rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng được chú trọng. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng từng bước được hoàn thiện, trong đó có nhiều cơ chế, chính sách về bảo vệ và phát triển rừng gắn với giảm nghèo đã giúp người dân làm nghề rừng, nhất là các hộ nghèo cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập. Tuy nhiên, trong thời gian qua tỷ lệ che phủ rừng tăng nhưng chất lượng chưa cao; chưa phát huy tiềm năng của các khu rừng tự nhiên; thu nhập của người lao động làm nghề rừng còn thấp so với các ngành nghề khác; nguồn vốn đầu tư cho ngành lâm nghiệp còn hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu.

1.2. Về công tác triển khai thực hiện Nghị quyết

Trên cơ sở chỉ đạo, điều hành của tỉnh, của Sở đối với các chương trình, các chính sách; theo chức năng nhiệm vụ được phân công, Chi cục Kiểm lâm luôn bám sát những chương trình, kế hoạch ban hành; theo đó, lãnh đạo Chi cục luôn luôn tập trung chỉ đạo, điều hành triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả và cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Đồng thời, nghiêm túc tổ chức triển khai các nhiệm vụ theo yêu cầu, chỉ đạo của các cấp theo từng nhiệm vụ cụ thể; thường xuyên giữ mối liên hệ chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để kịp thời nắm bắt nội dung chỉ đạo và tổng hợp các kiến nghị, đề xuất tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Công tác tham mưu theo dõi, đôn đốc và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh; lãnh đạo Sở luôn được chú trọng, thường xuyên, góp phần

tích cực trong việc nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Sở trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

Phần II

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 39, KẾ HOẠCH/CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

2.1. Kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp

2.1.1. Các nhiệm vụ, giải pháp chung

Đối với các chương trình chính sách thực hiện trên địa bàn tỉnh, Chi cục Kiểm lâm quán triệt trong toàn thể lực lượng về mục tiêu, mục đích, đối tượng và các nội dung liên quan khác của các chương trình, chính sách; đồng thời thông qua nhiệm vụ thường xuyên hàng năm của đơn vị đã lồng ghép các nội dung của các chương trình, chính sách của Trung ương, của tỉnh để vận động hộ gia đình, cá nhân, cơ quan đơn vị tham gia thực hiện nhằm góp phần quản lý rừng bền vững, cải thiện cuộc sống cho người dân miền núi.

2.1.2. Các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đối với từng nguồn lực

Trong giai đoạn này, Chi cục Kiểm lâm có phối hợp tổng hợp diện tích rừng thực hiện khoán bảo vệ rừng để Chi cục Phát triển nông thôn tổng hợp đề xuất phân bổ kinh phí cho Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh và UBND các huyện của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020; phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở tham mưu đề xuất phân bổ kinh phí các chương trình, dự án như: Chương trình PTLN bền vững, tiểu dự án 1 dự án 3, các dự án bảo vệ và phát triển rừng,...; kết quả cụ thể như sau:

(1) Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng, triển khai quyết liệt các giải pháp để ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng; tiếp tục nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng; đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp; thống nhất thiết lập và quản lý có hiệu quả hệ thống khu rừng có bảo tồn cao.

** Đánh giá chung:* Tỉnh Quảng Ngãi hiện có khoản 285.157,67 ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp, chiếm 55,3% diện tích tự nhiên toàn tỉnh, trong đó đất có rừng 332.888,51 ha¹ (106.712,07 ha rừng tự nhiên). Đây là nguồn tài nguyên, nguồn lực to lớn để đưa ngành lâm nghiệp trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, đóng góp ngày càng quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ quốc phòng, an ninh, môi trường sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng của tỉnh; chính vì vậy, trong những năm tỉnh Quảng Ngãi xác định bảo vệ, phát triển rừng là nghĩa vụ, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Trên cơ sở Nghị quyết số 39-NQ-TW, ngày 15/10/2019 vận dụng các nguồn lực của tỉnh cũng như trung ương, cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến địa phương triển

¹ Quyết định số 201/QĐ-UBND ngày 29/02/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Công bố hiện trạng rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2023.

khai một cách đồng bộ, thống nhất, quyết liệt các giải pháp quản lý bảo vệ rừng và PCCCR; kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện nhờ đó công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực. Số vụ vi phạm Luật Lâm nghiệp hiện nay cơ bản giảm về số vụ, số đối tượng và diện tích rừng; diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh hầu hết thực sự có chủ quản lý, bảo vệ cụ thể (*giao rừng gắn với giao đất*) đã góp phần xã hội hóa công tác bảo vệ và phát triển rừng; một số dự án, chính sách hỗ trợ cho người nhận khoán bảo vệ rừng như Nghị quyết 30a, Nghị định 75 của chính phủ, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng bước đầu đã đem lại thu nhập ổn định cho người tham gia bảo vệ rừng; công tác phát triển rừng luôn được chú trọng, chất lượng cây giống cây trồng phòng hộ cũng như sản xuất được cơ quan chức năng thẩm định nên chất lượng rừng ngày càng tăng, với việc đầu tư trồng rừng nguyên liệu tập trung theo quy hoạch (*hơn 226.000 ha*) đã đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho người dân, góp phần giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; cùng với đó, việc quy hoạch với 20.302ha rừng đặc dụng sẽ tạo cơ sở đầu tư cho công tác bảo tồn, phát triển các giá trị tài nguyên hệ sinh thái rừng và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh. Hiện nay, cơ bản diện tích rừng tự nhiên được giữ vững ổn định, chức năng phòng hộ và tính đa dạng sinh học được gia tăng, tỷ lệ che phủ rừng (bao gồm cây phân tán) đến năm 2023 là 52,33%, đạt theo Nghị quyết của đảng các cấp đề ra.

** Kết quả thực hiện:*

- Về công tác quản lý bảo vệ rừng, triển khai quyết liệt các giải pháp ngăn chặn tình trạng cháy rừng và chặt phá rừng:

+ Công tác tuyên truyền: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát gần 650 tin, bài, phản ánh, phóng sự, phổ biến pháp luật trong các chương trình thời sự, chương trình, chuyên mục trên 02 kênh phát thanh, truyền hình và nền tảng mạng xã hội của Đài. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức 2.822 Hội nghị các cấp, số lượng tham dự 106.447 lượt người; tập huấn 990 lớp, số lượng người tham gia 28.983 lượt người; 70 Bài viết; tuyên truyền trên truyền hình 45 số; xây dựng 24 phóng sự phóng sự truyền hình; tổ chức 01 buổi tọa đàm, số người tham dự 80 người; tuyên truyền lưu động 1.263 đợt; in ấn hàng nghìn tờ rơi, áp phích tuyên truyền và thường xuyên phát thanh trên loa xã, phường, thị trấn.

+ Công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát: Hàng năm, Chi cục Kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo cho các cơ quan chuyên môn xây dựng Kế hoạch hoặc tham mưu Sở thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm trong các lĩnh vực: phòng cháy, chữa cháy rừng; kinh doanh chế biến lâm sản; sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp tại các địa phương. Lực lượng Kiểm lâm tăng cường công tác phối hợp kiểm tra, giám sát, xử lý việc thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, PCCCR trên toàn tỉnh; kiến nghị, đưa ra xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, thiết lập trật tự kỷ cương trong công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng, sử dụng và phát triển rừng; xử lý nghiêm tổ chức, tập thể, cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm các quy định về quản lý rừng, bảo vệ rừng, sử dụng và phát triển rừng, quản lý lâm sản và PCCCR nhằm phòng ngừa chung và răn đe giáo dục riêng. Thanh tra tỉnh, tổ chức thanh tra trách nhiệm của Chi cục Kiểm lâm tỉnh trong việc thực hiện nhiệm

vụ công vụ về quản lý, phát triển, sử dụng và bảo vệ rừng; việc đảm bảo chấp hành pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng²; Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thanh tra công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng tại Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh³. Qua đó, các cơ quan thanh tra đã kết luận chỉ ra những tồn tại, thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện; việc tổ chức thực hiện kết luận thanh tra kịp thời đã nâng cao ý thức, trách nhiệm, hiệu quả của các cơ quan trực tiếp thực hiện công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng của địa phương.

+ Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật: Tổ chức 3.616 đợt truy quét bảo vệ rừng tại gốc, 4.100 đợt kiểm tra, 15.187 lượt tuần tra bảo vệ rừng; phát hiện và xử lý 1.130,00 vụ, trong đó: xử lý hành chính 1.104 vụ; khởi tố hình sự 26 vụ 27 bị can. Lâm sản tịch thu 1.087,76 m³ gỗ các loại. Số tiền thu nộp ngân sách: 10.480.404.614 đồng.

+ Ứng dụng công nghệ trong giám sát tài nguyên rừng: Trên cơ sở Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 10/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án nâng cao năng lực cho lực lượng Kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và PCCCR giai đoạn 2021-2030; UBND tỉnh đã cho chủ trương đầu tư dự án "Hiện đại hóa, nâng cao năng lực giám sát tài nguyên rừng và đất quy hoạch lâm nghiệp tỉnh Quảng Ngãi", trong đó, ứng dụng công nghệ, thông tin cùng với các trang thiết bị máy móc hiện đại hỗ trợ lực lượng Kiểm lâm trong việc theo dõi giám sát tài nguyên rừng và công tác PCCCR trên địa bàn. Thông qua dự án nâng cao năng lực phòng cháy chữa cháy rừng đã xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm các trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho công tác PCCCR một cách hiệu quả.

+ Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng: Thành lập Ban Chỉ đạo chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững cấp tỉnh⁴ và Văn phòng Ban Chỉ đạo đặt tại Chi cục Kiểm lâm⁵; thành lập 13 Ban Chỉ đạo cấp huyện, thị xã, thành phố và 148 Ban Chỉ đạo cấp xã, phường, thị trấn, với Trưởng ban là lãnh đạo UBND các cấp, thành viên là các cơ quan đơn vị có liên quan.

- Về nâng cao tỷ lệ che phủ rừng và chất lượng rừng: Để tăng tỷ lệ che phủ rừng, trong giai đoạn này công tác phát triển rừng luôn được chú trọng; kết quả trồng rừng phòng hộ 790,7 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 1.115,26 ha, chăm sóc hàng nghìn lượt ha rừng phòng hộ, trồng rừng thay thế 187,45ha; hiện nay diện tích rừng tham gia tính tỷ lệ che phủ rừng là 264.908,0ha tương ứng với tỷ lệ che phủ rừng 51,39%, theo kế hoạch đến năm 2030 nâng tỷ lệ ổn định là 52%. Để nâng cao chất lượng rừng hiện có, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Công văn số 1386/UBND-KTN ngày 19/3/2024 triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 của Thủ tướng Chính phủ; ...

- Về công tác giao đất, giao rừng, nâng cao thu nhập và đời sống người làm lâm nghiệp:

² Quyết định Thanh tra số 43/QĐ-TTT ngày 23/6/2021 của Chánh Thanh tra tỉnh;

³ Quyết định số 588/QĐ-SNNPTNT ngày 26/10/2022 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT.

⁴ Các Quyết định của UBND tỉnh: số 770/QĐ-UBND ngày 26/4/2017; số 1420/QĐ-UBND ngày 14/9/2021;

⁵ Quyết định số 29/QĐ-SNNPTNT ngày 18/01/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

+ Tổng diện tích rừng thuộc đối tượng giao, cho thuê cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng 127.763,27 ha (*rừng tự nhiên: 104.004,76 ha; rừng trồng vốn ngân sách: 23.758,51 ha*), trong đó:

(i) Giao rừng cho tổ chức: 102.893,0 ha (*Ban Quản lý rừng phòng hộ tỉnh 96.215,44 ha; Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ba Tô 6.047,11 ha; Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh 199,17 ha; Trung tâm Kỹ thuật Quan trắc môi trường 431,28 ha*)

(ii) Giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư (*Giao rừng gắn với giao đất và cấp Giấy CNQSDĐ*): 24.854,11 ha;

(iii) Cho thuê rừng cho tổ chức: 16,16 ha;

+ Chưa giao rừng (*hiện UBND xã quản lý*) chủ yếu là rừng phục hồi chưa có trữ lượng quy hoạch sản xuất, diện tích manh mún, nhỏ lẻ chưa thu hút được đối tượng nhận rừng 2.707,31 ha.

- Về quản lý có hiệu quả hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên: Hiện nay, tỉnh chưa có khu bảo tồn thiên nhiên; tuy nhiên, theo Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tỉnh; tổng diện tích đất quy hoạch rừng đặc dụng là 20.302 ha rừng (*dự kiến thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tô khoản 17.976 ha; Khu bảo tồn loài sinh cảnh Tây Trà Bồng khoản 2.326 ha*); hiện UBND tỉnh đã thống nhất chủ trương thành lập Khu dự trữ thiên nhiên Tây Ba Tô⁶, đến năm 2030 sẽ tiếp tục hoàn thành việc thành lập Khu bảo tồn loài sinh cảnh Tây Trà Bồng (*Cà Đam*).

* Một số tồn tại, nguyên nhân

- Việc thực hiện quan hệ giữa sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và quản lý, điều hành của chính quyền chưa thật sự chặt chẽ, hiệu quả; văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nhiều nhưng tổ chức thực hiện vẫn còn yếu; một số chính sách đã ban hành chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tính khả thi chưa cao, chưa có tính đột phá; một số chủ trương, nhiệm vụ đề ra chưa sát với khả năng cân đối nguồn lực; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tổ chức thực hiện và tháo gỡ các vướng mắc còn thiếu đồng bộ, kịp thời. Tình hình vi phạm các quy định về bảo vệ và phát triển rừng vẫn còn xảy ra trên địa bàn. Lợi dụng một số diện tích rừng thuộc các dự án đã kết thúc nhưng không có nguồn kinh phí hỗ trợ cho người dân tiếp tục quản lý bảo vệ, các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ các bên có liên quan chưa rõ ràng dẫn đến việc rừng bị xâm hại việc xử lý hết sức khó khăn, phức tạp.

- Việc thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ đối với các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được giao rừng gắn với giao đất, nhận khoán bảo vệ rừng còn hạn chế, chưa thật sự hiệu quả dẫn đến chưa kịp thời phát hiện các vụ xâm hại đến tài nguyên rừng trên diện tích được giao để báo cáo với cơ quan chức năng ngăn chặn và xử lý;

* Giải pháp trong thời gian đến

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Kết luận số 61-KL/TW của Ban Bí

⁶ Công văn số 849/UBND-KTN ngày 21/02/2024 của UBND tỉnh.

thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 09/3/2024 của Chính phủ ban hành chương trình hành động thực hiện số 61-KL/TW; Kết luận số Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 434/QĐ-UBND ngày 20/6/2017 ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 04/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn số 1788-CV/TU ngày 25/9/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai Kết luận số 61-KL/TW của Ban Bí thư.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện đầy đủ nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam, giai đoạn 2021-2031, tầm nhìn đến 2050 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; các nội dung về lâm nghiệp trong Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Sử dụng nguồn ngân sách hỗ trợ của trung ương cho ngành lâm nghiệp đúng nội dung, nhiệm vụ; xem xét, ưu tiên bố trí ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành; có cơ chế huy động nguồn lực xã hội đầu tư vào bảo vệ, phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp, xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông nông thôn gắn với phát triển sản xuất lâm nghiệp đảm bảo hiệu quả, bền vững.

(2) Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đầu tư trồng rừng gỗ lớn; hỗ trợ khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi

- Các nội dung chính sách tại Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND, gồm:

(i) Hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng rừng, trồng cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm (*Hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn là cây mọc nhanh; Hỗ trợ đầu tư trồng rừng là cây bản địa; Hỗ trợ, khuyến khích trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm; Hỗ trợ, khuyến khích trồng cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm*).

(ii) Hỗ trợ chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn

(iii) Hỗ trợ rủi ro khi trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm; chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn

(iv) Hỗ trợ tín dụng khi trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm; chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn

- Kết quả thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND 07/12/2017 (ngày 13/9/2019, Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Dự án hỗ trợ đầu tư trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn; hỗ trợ, khuyến khích trồng cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 tại Quyết định số 1321/QĐ-UBND) kết quả như sau:

(i) Về khối lượng thực hiện: hỗ trợ 02 nội dung theo chính sách, gồm:

+ Chuyển hóa rừng trồng nguyên liệu gỗ nhỏ sang rừng trồng nguyên liệu gỗ lớn: 211,28 ha/428,33 ha, đạt 49,33% so với diện tích được phê duyệt.

+ Trồng cây phân tán là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm: 69.694 cây/70.000 cây, đạt 99,56%, so với số lượng cây được phê duyệt.

(ii) Tổng kinh phí thực hiện: 4.559 triệu đồng.

(iii) Đối tượng nhận hỗ trợ là hộ gia đình, cá nhân, các cơ quan, đơn vị, tổ chức trên địa bàn tỉnh, trong đó có đối tượng thuộc các huyện: Ba Tơ, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Mộ Đức, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành và Trà Bồng.

- Đánh giá chung

+ Được sự quan tâm chỉ đạo điều hành quyết liệt của lãnh đạo UBND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở ban, ngành và chính quyền địa phương; sự nỗ lực, cố gắng trong công tác tham mưu, tổ chức thực hiện nhằm đạt được mục tiêu dự án đề ra.

+ Chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND đã kết thúc cuối năm 2020; hiện nay, Chính phủ đang dự thảo Nghị định ban hành chính sách hỗ trợ các hoạt động lâm nghiệp và Chi cục kiểm lâm tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất UBND tỉnh kiến nghị HĐND tỉnh thống nhất chủ trương xây dựng Nghị quyết chính sách quy định mức hỗ trợ quản lý bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, nguồn kinh phí cấp ngân sách tỉnh để hỗ trợ; đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, đúng đối tượng theo quy định của pháp luật.

- Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

(i) Tồn tại, hạn chế

+ Một số chính sách theo Nghị quyết số 56/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 không thể xây dựng Dự án được do không đủ thời gian đầu tư xây dựng công trình lâm sinh như: hỗ trợ trồng rừng nguyên liệu gỗ lớn là cây mọc nhanh; hỗ trợ trồng rừng là cây bản địa; hỗ trợ, khuyến khích trồng rừng là cây gỗ nguy cấp, quý, hiếm,...

+ Nguồn lực của các tổ chức, cá nhân tham gia dự án có hạn về quỹ đất, về tài chính,...

+ Rủi ro do thiên tai bất khả kháng nhưng chưa có kinh phí hỗ trợ: Diện tích đã thực hiện chuyển hóa năm 2019 và 2020 bị cơn bão số 9 năm 2020 đã làm gãy đổ, thiệt hại ở nhiều mức độ (thiệt hại nhẹ (mức độ < 30%): 64,48 ha, thiệt hại nặng (mức độ từ 30 - 70%): 118,82 ha, thiệt hại hoàn toàn (mức độ > 70%): 27,98 ha) nhưng chưa có kinh phí để hỗ trợ.

+ Hỗ trợ tín dụng trong 02 năm 2019, 2020 chưa thực hiện, vì các chủ rừng không phát sinh giao dịch vay vốn.

+ Một số tổ chức thực hiện chăm sóc, bảo vệ cây trồng phân tán chưa tốt dẫn đến tỷ lệ cây trồng sống thấp.

(ii) Qua 02 năm thực hiện cho thấy kết quả thực hiện chưa có hiệu quả cao, vì một số nguyên nhân sau:

* Nguyên nhân khách quan

- + Thời gian tham gia dự án dài (10 năm).
 - + Tình hình khí hậu, thời tiết diễn biến phức tạp, cực đoan; (năm 2019, nắng nóng kéo dài làm cây rừng chết khô; cơn bão số 5 và đặc biệt năm 2020 cơn bão số 9 làm gãy đổ nhiều diện tích rừng trồng tham gia chuyển hóa).
 - + Cháy rừng xảy ra liên tục, nhiều nơi đã tác động lên ý thức của các chủ rừng nên nhiều diện tích rừng đã đăng ký nhưng không thực hiện được.
 - + Quỹ đất của phần đông người trồng rừng không nhiều, kinh tế còn gặp nhiều khó khăn nên có tư tưởng trồng và thu hoạch trong một thời gian ngắn để có thu nhập trang trải cuộc sống; đồng thời cũng hạn chế rủi ro do thiên tai bất thường nên số lượng chủ rừng đăng ký tham gia dự án không nhiều.
 - + Cây trồng “phân tán” nên rất khó khăn trong quá trình triển khai, thực hiện.
- * Nguyên nhân chủ quan*
- + Trình tự, thủ tục xây dựng Dự án cần tuân thủ theo Luật Đầu tư công; thời gian xây dựng Dự án kéo dài.
 - + Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị các địa phương (các huyện) triển khai để các chủ rừng trên địa bàn đăng ký tham gia Dự án, nhưng hầu hết các địa phương đều phản hồi không có chủ rừng đăng ký tham gia Dự án.
 - + Công tác tuyên truyền, vận động tham gia Dự án chưa thật sự sâu, rộng.
 - + Một số chủ rừng thay đổi ý định, không tiếp tục thực hiện chuyển hóa thành rừng gỗ lớn.

2.2. Giải pháp trong thời gian đến

- a) Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho mọi người dân về quan điểm, mục tiêu đối với lĩnh vực lâm nghiệp tại Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị Khoá XII, đặc biệt chú trọng thực hiện tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn tỉnh.
- b) Tiếp tục tổ chức thực hiện các chính sách của trung ương ban hành đối với công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng,.... tạo sinh sinh kế, góp phần tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho các chủ rừng; nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, tăng cường trữ lượng các-bon của rừng và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.
- a) Tiếp tục rà soát các chính sách, nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng, đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp tạo cơ sở pháp lý để hỗ trợ quản lý bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng được nhà nước giao cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư để nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên nhằm phát huy tốt chức năng của từng loại rừng, bảo tồn hệ sinh thái rừng, đa dạng sinh học, tăng cường trữ lượng các -bon của rừng và phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; góp phần tăng thu nhập, cải thiện cuộc sống cho các chủ rừng, ổn định phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các địa phương trên địa bàn tỉnh, với các nội dung (i) hỗ trợ bảo vệ rừng phòng hộ tại khu vực nằm ngoài các xã khu vực II, khu vực III; (ii) hỗ trợ nuôi dưỡng rừng tự nhiên; (iii) hỗ trợ làm giàu rừng tự nhiên,...

Phần III

KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

3.1. Đối với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Sớm tham mưu ban hành chính sách đầu tư, hỗ trợ đầu tư cho hoạt động sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi theo từng loại rừng, bao gồm: quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; chế biến và thương mại lâm sản theo từng loại rừng.

- Ủy ban Dân tộc: Sớm phân bổ kinh phí năm 2021, 2022 đối với tiểu dự án 1 dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021

3.2. Đối với UBND tỉnh

Trên cơ sở của cơ quan chuyên môn rà soát và đề xuất, kính đề nghị UBND tỉnh xem xét trình đề nghị TT HĐND thống nhất chủ trương xây dựng chính sách đặc thù theo đúng quy định để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.

3.3. Đối với các sở, ngành

Tổ chức hướng dẫn để các cơ quan đơn vị sử dụng ngân sách Nhà nước chủ động xây dựng dự toán ngân sách tránh sự chồng chéo nhiệm vụ trong quá trình tổng hợp, tham mưu để vận hành các chương trình, chính sách nhằm đem lại hiệu quả, mục tiêu đề ra./.